

Số: 642 /TB-UBND

Bắc Từ Liêm, ngày 16 tháng 4 năm 2018

**THÔNG BÁO**  
**Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán  
ngân sách quận Bắc Từ Liêm quý I năm 2018**

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM**

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước 2015;

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai NSNN đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 10099/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND quận Bắc Từ Liêm về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2018 của quận Bắc Từ Liêm;

UBND quận Bắc Từ Liêm tổ chức công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách quận Bắc Từ Liêm quý I năm 2018, cụ thể như sau:

**1. Nội dung công khai:**

Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách quận Bắc Từ Liêm quý I năm 2018, cụ thể:

(Theo thuyết minh và các biểu đính kèm)

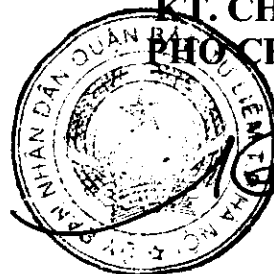
**2. Hình thức công khai:**

- Công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của UBND quận Bắc Từ Liêm tại địa chỉ: <http://bactuliem.hanoi.gov.vn>

**Nơi nhận:**

- UBND Thành phố Hà Nội;
- Sở Tài chính, Sở Kế hoạch - Đầu tư;
- TT Quận ủy;
- TT HĐND - UBND Quận;
- Lãnh đạo UBND Quận;
- VP Quận ủy;
- Các phòng, ban thuộc Quận;
- UBND các phường;
- Cổng thông tin điện tử của Quận;
- Lưu: VT, TCKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Kim Vinh**

## CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH QUẬN QUÝ I NĂM 2018

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | NỘI DUNG                                                 | Dự toán<br>năm 2018 | Thực hiện<br>quý I | So sánh ước thực hiện<br>với (%) |                      |
|-----|----------------------------------------------------------|---------------------|--------------------|----------------------------------|----------------------|
|     |                                                          |                     |                    | Dự toán<br>năm                   | Cùng kỳ<br>năm trước |
| A   | B                                                        | 1                   | 2                  | 3=2/1                            | 4                    |
| A   | <b>TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN<br/>ĐỊA BÀN</b>              | <b>3.074.000</b>    | <b>937.845</b>     | <b>31%</b>                       | <b>143%</b>          |
| I   | <b>Thu cân đối NSNN</b>                                  | <b>3.074.000</b>    | <b>937.845</b>     | <b>31%</b>                       | <b>143%</b>          |
| 1   | Thu nội địa                                              | 3.074.000           | 937.845            | 31%                              | 143%                 |
| 2   | Thu viện trợ                                             |                     |                    |                                  |                      |
| II  | <b>Thu chuyển nguồn từ năm trước<br/>chuyển sang</b>     |                     | <b>990.664</b>     |                                  | <b>122%</b>          |
| B   | <b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>                          | <b>1.331.341</b>    | <b>151.056</b>     | <b>11%</b>                       | <b>165%</b>          |
| I   | <b>Tổng chi cân đối ngân sách quận</b>                   | <b>1.310.605</b>    | <b>144.545</b>     | <b>11%</b>                       | <b>158%</b>          |
| 1   | Chi đầu tư phát triển                                    | 646.434             | 13.183             | 2%                               | 2212%                |
| 2   | Chi thường xuyên                                         | 576.673             | 131.362            | 23%                              | 145%                 |
| 3   | Dự phòng ngân sách                                       | 30.028              |                    |                                  |                      |
| 4   | Chi tạo nguồn CCTL                                       | 57.470              |                    |                                  |                      |
| III | <b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ<br/>NS cấp TP</b> | <b>20.736</b>       | <b>6.511</b>       | <b>31%</b>                       |                      |

## THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2018

Đơn vị: Triệu đồng

| STT      | NỘI DUNG                                                                         | Dự toán năm 2018 | Thực hiện quý I | So sánh ước thực hiện với (%) |                   |
|----------|----------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----------------|-------------------------------|-------------------|
|          |                                                                                  |                  |                 | Dự toán năm                   | Cùng kỳ năm trước |
| A        | B                                                                                | 1                | 2               | 3=2/1                         | 4                 |
| <b>A</b> | <b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>                                                | <b>3.074.000</b> | <b>937.845</b>  | <b>31%</b>                    | <b>143%</b>       |
| <b>I</b> | <b>Thu nội địa</b>                                                               | <b>3.074.000</b> | <b>937.845</b>  | <b>31%</b>                    | <b>143%</b>       |
| 1        | Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước                                             |                  |                 |                               |                   |
| 2        | Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài                             |                  |                 |                               |                   |
| <b>3</b> | <b>Thuế công thương nghiệp dịch vụ NQD</b>                                       | <b>1.041.500</b> | <b>240.084</b>  | <b>23%</b>                    | <b>78%</b>        |
| -        | Thuế giá trị gia tăng                                                            | 788.100          | 171.760         | 22%                           | 90%               |
| -        | Thuế tiêu thụ đặc biệt                                                           | 3.300            | 1.485           | 45%                           | 142%              |
| -        | Thuế thu nhập doanh nghiệp                                                       | 250.000          | 66.809          | 27%                           | 90%               |
| -        | Thuế tài nguyên                                                                  | 100              | 31              | 31%                           | 118%              |
| -        | Thuế môn bài                                                                     | 0                | 0               |                               | 0%                |
| -        | Thu khác ngoài quốc doanh                                                        | 0                | 0               |                               | 0%                |
| <b>4</b> | <b>Lệ phí trước bạ</b>                                                           | <b>290.800</b>   | <b>58.447</b>   | <b>20%</b>                    | <b>103%</b>       |
| <b>5</b> | <b>Thuế đất phi nông nghiệp + nhà đất</b>                                        | <b>12.900</b>    | <b>895</b>      | <b>7%</b>                     | <b>162%</b>       |
| <b>6</b> | <b>Thuế thu nhập cá nhân</b>                                                     | <b>199.200</b>   | <b>41.761</b>   | <b>21%</b>                    | <b>125%</b>       |
| <b>7</b> | <b>Phí, lệ phí</b>                                                               | <b>18.100</b>    | <b>12.364</b>   | <b>68%</b>                    | <b>110%</b>       |
| -        | Lệ phí môn bài                                                                   | 12.100           | 0               | 0%                            | 0%                |
| -        | Phí, lệ phí Quận                                                                 | 4.145            | 11.031          | 266%                          | 5702%             |
| -        | Phí, lệ phí phường                                                               | 1.855            | 1.332           | 72%                           | 112%              |
| <b>8</b> | <b>Tiền thuê mặt đất, mặt nước</b>                                               | <b>121.000</b>   | <b>26.478</b>   | <b>22%</b>                    | <b>228%</b>       |
| <b>9</b> | <b>Thu tiền sử dụng đất</b>                                                      | <b>1.373.000</b> | <b>544.689</b>  | <b>40%</b>                    | <b>239%</b>       |
| -        | Thu đối với đất có quy mô từ 5000m2 trở lên hoặc dưới 5000m2 tiếp giáp đường phố | 1.353.000        | 528.153         | 39%                           | 263%              |
| +        | Thu giao đất các dự án                                                           | 800.000          | 528.153         | 66%                           | 292%              |
| +        | Thu đất đầu giá >5000 m2 hoặc <5000m2 tiếp giáp đường phố                        | 553.000          | 0               | 0%                            | 0%                |

| STT | NỘI DUNG                                                           | Dự toán năm 2018 | Thực hiện quý I | So sánh ước thực hiện với (%) |                   |
|-----|--------------------------------------------------------------------|------------------|-----------------|-------------------------------|-------------------|
|     |                                                                    |                  |                 | Dự toán năm                   | Cùng kỳ năm trước |
| -   | Đất có quy mô < 5000m2 (nhỏ lẻ xen kẹt) không tiếp giáp đường phố. | 20.000           | 16.537          | 83%                           | 63%               |
| +   | Thu đấu giá đất                                                    | 0                | 0               |                               |                   |
| +   | Thu khác                                                           | 20.000           | 16.537          | 83%                           | 63%               |
| 10  | Thu đền bù thiệt hại khi NN thu hồi đất                            | 10.400           | 278             | 3%                            | 7%                |
| 11  | Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản                          | 1.300            | 4               | 0%                            | 6%                |
| 12  | Thu khác ngân sách                                                 | 5.800            | 12.445          | 215%                          | 588%              |
| -   | <i>Thu khác ngân sách Quận</i>                                     | 5.490            | 12.326          | 225%                          | 589%              |
| +   | Thu phạt, tịch thu                                                 | 0                | 553             |                               | 68%               |
| +   | Thu hồi khoản chi năm trước                                        | 0                | 703             |                               | 79%               |
| +   | Ngân sách cấp dưới nộp lên                                         | 0                | 0               |                               |                   |
| +   | Thu khác còn lại                                                   | 0                | 11.071          |                               | 2787%             |
| -   | <i>Thu khác ngân sách phường</i>                                   | 310              | 119             | 38%                           | 458%              |
| +   | Thu phạt, tịch thu                                                 | 0                | 110             |                               | 798%              |
| +   | Thu khác còn lại                                                   | 0                | 9               |                               | 74%               |
| 13  | Thu đóng góp cơ sở hạ tầng                                         | 0                | 401             |                               | 111%              |
| B   | <b>TỔNG THU NGÂN SÁCH QUẬN</b>                                     | <b>1.215.293</b> | <b>379.951</b>  | <b>31%</b>                    | <b>127%</b>       |
| I   | Thu ngân sách quận hưởng theo phân cấp (Thu điều tiết)             | 1.168.670        | 358.169         | 31%                           | 123%              |
| -   | Các khoản thu hưởng 100%                                           | 246.800          | 86.663          | 35%                           | 76%               |
| -   | Các khoản thu hưởng theo tỷ lệ điều tiết                           | 921.870          | 271.506         | 29%                           | 153%              |
| II  | Thu bổ sung từ ngân sách Thành phố                                 | 46.623           | 21.782          | 47%                           | 344%              |
| 1   | Thu bổ sung cân đối từ ngân sách TP                                | 32.432           | 9.000           | 28%                           |                   |
| 2   | Thu mục tiêu từ ngân sách thành phố                                | 14.191           | 12.782          | 90%                           | 202%              |

## THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH QUẬN QUÝ I NĂM 2018

Đơn vị: Triệu đồng

| STT        | NỘI DUNG                                                              | Dự toán TP<br>giao | Thực hiện quý<br>I | So sánh ước thực hiện<br>với (%) |                      |
|------------|-----------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------|----------------------------------|----------------------|
|            |                                                                       |                    |                    | Dự toán<br>năm                   | Cùng kỳ<br>năm trước |
| A          | B                                                                     | 1                  | 2                  | 3=2/1                            | 4                    |
|            | <b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH QUẬN</b>                                        | <b>1.331.341</b>   | <b>151.056</b>     | <b>11%</b>                       | <b>165%</b>          |
| <b>A</b>   | <b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH<br/>QUẬN</b>                                 | <b>1.310.605</b>   | <b>144.545</b>     | <b>11%</b>                       | <b>158%</b>          |
| <b>I</b>   | <b>Chi đầu tư phát triển</b>                                          | <b>646.434</b>     | <b>13.183</b>      | <b>2%</b>                        | <b>2212%</b>         |
| 1          | Chi đầu tư cho các dự án                                              | 646.434            | 13.183             | 2%                               | 2212%                |
| 2          | Chi đầu tư phát triển khác                                            |                    |                    |                                  |                      |
| <b>II</b>  | <b>Chi thường xuyên</b>                                               | <b>576.673</b>     | <b>131.362</b>     | <b>23%</b>                       | <b>145%</b>          |
|            | <i>Trong đó:</i>                                                      |                    |                    |                                  |                      |
| 1          | - Chi giáo dục và đào tạo                                             | 275.160            | 47.212             | 17%                              | 119%                 |
| 2          | - Chi y tế, dân số và gia đình                                        | 8.170              | 1.778              | 22%                              | 283%                 |
| 3          | - Chi văn hóa thông tin                                               | 11.530             | 1.566              | 14%                              | 109%                 |
| 4          | - Chi phát thanh, truyền hình                                         | 205                | 10                 | 5%                               | 63%                  |
| 5          | - Chi thể dục thể thao                                                | 2.446              | 237                | 10%                              | 66%                  |
| 6          | - Chi SN môi trường                                                   | 44.571             | 27.506             | 62%                              |                      |
| 7          | - Chi SN kinh tế                                                      | 29.130             | 586                | 2%                               | 22%                  |
| 8          | - Chi Quản lý hành chính, Đảng,<br>đoàn thể                           | 133.709            | 42.670             | 32%                              | 148%                 |
| 9          | - Sự nghiệp đảm bảo xã hội                                            | 40.989             | 7.330              | 18%                              | 55%                  |
| 10         | - Chi quốc phòng                                                      | 9.834              | 1.664              | 17%                              | 54%                  |
| 11         | - Chi an ninh                                                         | 10.070             | 803                | 8%                               | 74%                  |
| 12         | - Chi mua sắm sửa chữa thường<br>xuyên TSCĐ                           | 1.915              |                    | 0%                               |                      |
| 13         | - Chi khác ngân sách                                                  | 8.945              |                    | 0%                               |                      |
| <b>III</b> | <b>Dự phòng ngân sách</b>                                             | <b>30.028</b>      |                    | <b>0%</b>                        |                      |
| <b>IV</b>  | <b>Chi dành nguồn CCTL</b>                                            | <b>57.470</b>      |                    | <b>0%</b>                        |                      |
| <b>B</b>   | <b>CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ<br/>MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH<br/>CẤP TRÊN</b> | <b>20.736</b>      | <b>6.511</b>       | <b>31%</b>                       |                      |
| 1          | Chương trình mục tiêu quốc gia                                        | 34                 |                    | 0%                               |                      |
| 2          | Cho các chương trình dự án quan<br>trọng vốn đầu tư                   | 0                  |                    |                                  |                      |
| 3          | Chi các chương trình mục tiêu,<br>nhiệm vụ                            | 20.702             | 6.511              | 31%                              |                      |

*Bắc Từ Liêm, ngày 16 tháng 4 năm 2018*

## **THUYẾT MINH**

### **Tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý I năm 2018**

Để thực hiện công tác công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách theo quy định tại thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách. UBND Quận Bắc Từ Liêm công khai số liệu tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý I năm 2018, cụ thể như sau:

#### **I. Tình hình thực hiện dự toán thu ngân sách quận quý I năm 2018.**

*(Chi tiết tại biểu 94/CK-NSNN)*

##### **1.1. Thu ngân sách trên địa bàn.**

Dự toán Thành phố giao năm 2018: 3.074 tỷ đồng.

##### **\* Kết quả thực hiện:**

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 937.845 triệu đồng đạt 31% dự toán Thành phố giao; Gồm:

- Thu từ thuế phí, lệ phí và các khoản thu khác: 393.156 triệu đồng đạt 23% dự toán TP giao (1.701 tỷ đồng), so với cùng kỳ năm trước đạt 92%. Trong đó: Thu thuế công thương nghiệp ngoài quốc doanh: 240.084 triệu đồng đạt 23% dự toán TP giao (1.041,5 tỷ), so với cùng kỳ năm trước đạt 78%.

- Thu tiền sử dụng đất: 544.689 triệu đồng đạt 40% dự toán TP giao. So với cùng kỳ năm trước tăng 239%.

##### **1.2. Thu ngân sách quận hưởng theo điều tiết:**

- Dự toán Thành phố giao: 1.168.670 triệu đồng

- Kết quả thực hiện: 358.169 triệu đồng đạt 31 % dự toán Thành phố giao. So với cùng kỳ năm trước đạt 123%.

Trong đó:

+ Thu từ tiền sử dụng đất: 174.983 triệu đồng đạt 41 % dự toán Thành Phố giao (425.900 triệu đồng), so với cùng kỳ năm trước đạt 202%.

+ Thu từ các sắc thuế, phí, các khoản thu khác: 183.186 triệu đồng 88,3% dự toán Thành phố giao (742.770 triệu đồng), so với cùng kỳ năm trước đạt 89%.

### **1.3. Đánh giá kết quả thực hiện thu ngân sách quý I năm 2018.**

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thực hiện Quý I/2018: 937 tỷ đồng đạt 31% dự toán Thành phố giao. So với cùng kỳ năm 2017 tăng 280 tỷ tương ứng tăng 42,6%. Số tăng thu quý I là tăng thu về tiền sử dụng đất, còn đối với nguồn thu thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác là nguồn thu bền vững so với cùng kỳ năm 2017 giảm 34,2 tỷ (tuy nhiên, phần hụt thu trên thuộc về nhiệm vụ thu của Cục Thuế Hà Nội, đối với nhiệm vụ thu thành phố giao Chi cục thuế quận thu thực hiện trong quý I đạt so với kế hoạch quận giao).

### **2. Tình hình thực hiện Chi ngân sách quý I năm 2018.**

#### **1. Kết quả thực hiện Chi ngân sách quý I năm 2018.**

- Dự toán Thành phố giao thực hiện: 1.331.341 triệu đồng.

+ Dự toán giao đầu năm: 1.215.293 triệu đồng

+ Dự toán bổ sung trong năm: 116.048 triệu đồng

Trong đó:

+ Chi đầu tư phát triển: 646.434 triệu đồng

+ Chi thường xuyên: 576.673 triệu đồng

+ Chi dự phòng ngân sách: 30.028 triệu đồng

+ Chi dành nguồn CCTL: 57.470 triệu đồng

+ Chi bổ sung MTTP: 20.736 triệu đồng

- Thực hiện chi ngân sách quý I: 151.056 triệu đồng, đạt 11% dự toán Thành phố giao. So với cùng kỳ năm 2017 tăng 165%.

Trong đó:

+ Chi đầu tư phát triển: 13.183 triệu đồng đạt 2% dự toán TP giao. So với cùng kỳ năm 2017 tăng 2.212% .

+ Chi thường xuyên: 137.873 triệu đồng đạt 23% dự toán TP giao. So với cùng kỳ năm 2017 tăng 145% .

#### **2. Đánh giá chi ngân sách Quý I năm 2018.**

##### **1) Chi thường xuyên:**

Dự toán chi thường xuyên năm 2018 đã phân bổ cho các phòng, ban, ngành, hội, đoàn thể, các đơn vị trực thuộc quận theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức, đúng quy định của pháp luật. Công tác phân bổ và giao dự toán cho các đơn vị kịp thời để đảm bảo kinh phí thực hiện các chính sách đối với các đối tượng bảo trợ xã hội, chính sách với người nghèo, người có công, kinh phí tặng quà Tết,.. ngay trong quý I.

##### **2) Chi đầu tư XD CB.**

Ngay từ quý I năm 2018, UBND Quận dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Quận uỷ - HĐND Quận, công tác quản lý đầu tư luôn được UBND Quận quan tâm, chỉ

đạo sát sao, quyết liệt và thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước. Do vậy, việc giao kế hoạch chuẩn bị đầu tư, phân bổ kế hoạch vốn kịp thời cho các dự án đảm bảo theo cơ cấu đầu tư được giao, ưu tiên các dự án hoàn thành quyết toán, dự án chuyển tiếp, dự án trọng điểm; các dự án được phân bổ vốn đảm bảo đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định; Đến nay đã đạt được một số kết quả như sau: kết quả giải ngân quý I năm 2018 so với cùng kỳ năm ngoái đã có sự tiến triển rõ rệt, tăng 2.212%.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý I năm 2018 của Quận Bắc Từ Liêm../.